

Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày: 27/02/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: **Vương Đình Hoàng**
- Ông: **Lường Văn Hưởng**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở, TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2017/ HSST, ngày 10 tháng 01 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Lầu Phái D**; Tên gọi khác: Không

Sinh năm: 1969, nơi sinh xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

Nơi ĐKKHKT: Bản T, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá: 1/10.

Con ông: Lầu Phá D (đã chết) và con bà Sùng Thị L (đã chết)

Bị cáo có 6 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình

Vợ bị cáo là: Sùng Thị C, sinh năm 1970

Bị cáo có 06 người con; con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Sùng A T**; tên gọi khác: **Sùng A C**.

Sinh năm: 1989, nơi sinh xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên

Nơi ĐKKHKT: Bản X, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản X, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá: 9/12.

Con ông: Sùng Chờ D, sinh năm 1959 và con bà Tráng Thị S, sinh năm 1960

Bị cáo có 7 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình

Vợ bị cáo là: Lầu Thị M, sinh năm 1997

Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo thứ ba:

Họ và tên: **Giàng A C**; tên gọi khác: **không**.

Sinh năm: 1993, nơi sinh xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá: 7/12.

Con ông: Giàng Dủ T, sinh năm 1966 và con bà Vàng Thị V, sinh năm 1970

Bị cáo có 6 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình

Vợ bị cáo là: Vàng Thị X, sinh năm 1994 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: Lê Quang D, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Vàng Thị X, sinh năm 1994 (Có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3. Họ và tên: Lầu Thị M, sinh năm 1997 (Có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Bản X, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

*** Người phiên dịch cho chị Vàng Thị X và chị Lầu Thị M tại phiên tòa:**

Ông: Lầu A V; trú tại: Bản C, xã A, Huyện M, tỉnh Điện Biên

NHẬN THẤY

Các bị cáo Lầu Phái D, Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) và Giàng A C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 05 giờ 45 phút ngày 01/9/2016 tại khu vực bản X, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên tổ công tác Công an Đồn B phát hiện Sùng A T đang tàng trữ trái phép 02 gói hê rô in, trọng lượng 7,4 gam. T khai đó là hê rô in của T và Giàng A C cùng góp tiền được 3.000.000đ mua của Lầu Phái D với mục đích để sử dụng. Thi hành lệnh khám xét khẩn cấp đối với Lầu Phái D đã thu giữ được 01 gói hê rô in có trọng lượng 7,28 gam.

Tại Cơ quan điều tra Giàng A C, Sùng A T và Lầu Phái D đã khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 31/8/2016 Giàng A C đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERS, màu sơn đen – đỏ, biển kiểm soát 27Z1-083.95 từ nhà ở bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện

Biên ra trung tâm xã P chơi. Trên đường đi gặp Sùng A T, T và C cùng góp tiền đi mua hê rô in về sử dụng thì được C đồng ý. C dùng xe máy chở T lên bản T, xã X, huyện M để mua hê rô in. Khoảng 23 giờ cùng ngày, C và T đến bản T, xã X rồi đi vào nhà Lầu Phái D hỏi mua hê rô in của D. T và C mỗi người góp 1.500.000đ tổng là 3.000.000đ mua hê rô in. D đã bán cho T và C 02 gói hê rô in được gói bằng mảnh túi nilon màu xanh. Mua được hê rô in T và C ra về. T lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY loại xe Win màu sơn đen không biếm kiểm soát của T gửi ở nhà D từ hôm trước để đi về. Sau đó C và T đi ra bãi đất trống ven đồi chờ trời sáng mới về. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 01/9/2016 trước khi về T và C thống nhất với nhau là C đi trước để cảnh giới nếu gặp Công an thì báo hiệu cho T còn T cầm 02 gói hê rô in đi sau. Hồi 05 giờ 45 phút cùng ngày, khi T đi đến bản X, xã X thì gặp tổ công tác Công an Đồn B đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ 02 gói hê rô in, có trọng lượng 7,4 gam. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Giàng A C đồng thời thu giữ của C 01 chiếc ví da màu đen cũ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTENN405, vỏ màu đen bạc và 600.000đ. Thi hành lệnh khám xét và bắt khẩn cấp đối với Lầu Phái D thì D đã tự giác đem giao nộp 01 gói hê rô in được gói bằng mảnh túi nilon màu trắng có trọng lượng 7,28 gam và thu giữ tại giường ngủ của D 2.500.000đ. Lầu Phái D khai nhận đã bán cho Sùng A T và Giàng A C 02 gói hê rô in với giá 3.000.000đ tại nhà ở của D. Số tiền 2.500.000đ bị cơ quan điều tra thu giữ là tiền bán hê rô in cho T và C, D đã dùng 500.000đ để mua thức ăn. Còn số hê rô in mà D có được là do D mua được của 01 người đàn ông dân tộc Mông mà D không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu với giá 1.000.000đ vào ngày 28/8/2016 ở bản C, xã X, huyện M.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định ngày 01/9/2016 của Công an huyện M và Kết luận giám định số 766/GĐ-PC54 và 767/GĐ-PC54, ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận số vật chứng thu giữ của Lầu Phái D có trọng lượng 7,28 gam là hê rô in; Số vật chứng thu giữ của Sùng A T và Giàng A C có trọng lượng là 7,4 gam là hê rô in.

Tại bản cáo trạng số: 05/QĐ-VKS- HS ngày 09/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lầu Phái D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Sùng A T và Giàng A C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lầu Phái D, Sùng A T, Giàng A C. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 2, khoản 5 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Xử phạt: Lầu Phái D từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm h khoản 2, khoản 5 điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS. Xử phạt: Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm h khoản 2, khoản 5 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Xử phạt: Giàng A C từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ điểm a,b,c khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a,c,đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 7,16 gam hê rô in là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định của Lầu Phái D.

+ Tịch thu tiêu hủy 7,14 gam hê rô in là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định của Sùng A T và Giàng A C.

+ Tịch thu sung Quỹ Nhà nước 3.000.000đ do Lầu Phái D bán hê rô in cho Sùng A T và Giàng A C mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 2.500.000đ, truy thu số tiền 500.000đ D đã dùng để mua thức ăn.

+ Trả lại cho Giàng A C 600.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASTENN405, vỏ màu đen bạc, số model N405, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc ví da màu đen cũ đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) 10.000đ.

- Đối với 02 chiếc xe máy thu giữ của Sùng A T và Giàng A C, nguồn gốc 2 chiếc xe là do dùng tiền của gia đình để mua, chiếc xe bị cáo T mua của ông Lê Quang D, trú tại khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên nhãn hiệu BOSSCITY, loại xe Win, màu sơn đen trị giá 13.000.000đ, Bị cáo T đã trả 7.000.000đ còn nợ lại ông D 6.000.000đ; đến nay ông D cho bị cáo Thanh số tiền nợ nói trên. Vì vậy, 02 chiếc xe máy bị thu giữ trong vụ án là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T và vợ chồng bị cáo C.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERS, xe không có biển kiểm soát, màu sơn đen – đỏ, số khung RLHJC4325BI329426, số máy JC43E6267610, xe cũ đã qua sử dụng là xe mà Giàng A C đã sử dụng làm phương tiện đi mua hê rô in; trả lại cho chị Vàng Thị X, trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên là vợ bị cáo C $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe nói trên.

+ Tịch thu để hủy 01 BKS xe mô tô số 27Z1-083.95 do bị cáo Giàng A C gắn vào xe nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERS, màu sơn đen – đỏ, số khung RLHJC4325BI329426, số máy JC43E6267610.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, loại xe WIN, màu sơn đen, xe không có biển kiểm soát, số khung RL8WCHPPYA1011360, số máy RL8152FMHL4SA011360, xe cũ đã qua sử dụng là xe mà Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) đã sử dụng làm phương tiện đi mua hê rô in; trả lại cho chị Lầu Thị M, trú tại bản X, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên là vợ bị cáo T $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe nói trên.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 điều 99 BLTTHS: Buộc các bị cáo D, T, C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo D, T, C nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện M, các bị cáo không có tranh luận gì. Các Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên; của các bị cáo.

XÉT THẤY

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Lầu Phái D, Sùng A T, Giàng A C đã khai và công nhận: Ngày 31/8/2016 Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) rủ Giàng A C góp tiền để đi mua hê rô in về sử dụng, C đồng ý góp tiền cùng T, C và T đến bản T, xã X, huyện M vào nhà Lầu Phái D hỏi mua hê rô in của D. T và C mỗi người góp 1.500.000đ tổng là 3.000.000đ, T đưa 3.000.000đ cho D, D cầm tiền đi vào trong buồng ngủ cất tiền và lấy 02 gói hê rô in có trọng lượng 7,4 gam được gói bằng túi nilon màu xanh ra chỗ bàn uống nước đưa cho C, ngoài ra khi tổ công tác khám xét và bắt D, D đã tự giác đem giao nộp 01 gói hê rô in có trọng lượng 7,28 gam được gói bằng mảnh túi nilon màu trắng. Lời khai nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 05/QĐ-VKS-HS ngày 09/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo D đã bán trái phép 7,4 gam hê rô in cho T và C, ngoài ra D còn tàng trữ trái phép 7,28 gam hê rô in; các bị cáo T và C đã cùng nhau góp tiền mua, tàng trữ trái phép 7,4 gam hê rô in của D mục đích để T và C để sử dụng. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lầu Phái D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và các bị cáo Sùng A T, Giàng A C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 điều 194 BLHS quy định “Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”; khoản 2 qui định: "Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm

...h) Hê rô in hoặc coocain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam; ..."

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù, được qui định tại khoản 3 điều 8 BLHS. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

Vì các lẽ trên nên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố bị cáo Lầu Phái D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Sùng

A T, Giàng A C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

- Đối với bị cáo Lầu Phái D phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số lượng hê rô in là 14,68 gam (7,4 gam hê rô in bán cho T và C; 7,28 gam hê rô in bị cáo tàng trữ).

- Bị cáo Sùng A T và Giàng A C phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Sùng A T là người khởi xướng chủ mưu và là người cùng Giàng A C thực hiện tích cực hành vi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy nên phải chịu hình phạt cao hơn, còn bị cáo C là người giúp sức trong việc mua và tàng trữ trái phép chất ma túy nên chịu hình phạt thấp hơn.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo:

Bị cáo Lầu phái D sinh ra tại xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên được bố mẹ nuôi ăn học hết lớp 1/10 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất. Năm 1989 kết hôn với chị Sùng Thị C và có 06 người con. Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, ngày 31/8/2011 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống và đã được xóa án tích. Bị cáo đã bị kết án tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, và đã được cải tạo, giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để tránh xa ma túy. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, vì muốn kiếm lời bị cáo đã cố tình đi vào con đường phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi bị khám xét và bắt khẩn cấp bị cáo đã tự giao nộp hê rô in cho Cơ quan điều tra; Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm o, điểm p khoản 1 điều 46 BLHS cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại điều 48 BLHS.

Bị cáo Sùng A T và Giàng A C sinh ra và lớn lên tại Huyện T, tỉnh Điện Biên và được gia đình nuôi cho ăn học chưa hết cấp 2 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình, đến tuổi trưởng thành các bị cáo xây dựng gia đình. Năm 2016 các bị cáo nghiện chất ma túy. Các bị cáo là người chồng, người cha, là trụ cột của gia đình, nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng đạo đức, chí thú làm ăn, làm chỗ dựa cho vợ con, các bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, vì muốn thỏa mãn nhu cầu xấu của bản thân đã cố tình đi vào con đường phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS cho các bị cáo, riêng đối với bị cáo Sùng A T có bố là ông Sùng A D được tặng Huân chương chiến công Hạng Ba vì vậy bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 điều 46 BLHS và vận dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày

29/6/2016 của Quốc Hội; Công văn số 276/TANDTC-PC, ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao “V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của bộ luật hình sự năm 2015”; khoản 2 điều 249 BLHS 2015 cho các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng qui định tại điều 48 BLHS.

Các bị cáo D, T, C với nghề nghiệp là làm nương, không có thu nhập nào khác, gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông, người mà D khai đã bán hê rô in cho D vào ngày 28/8/2016, do D không biết tên, tuổi và địa chỉ ở đâu, do vậy Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xác minh làm rõ nên không đề cập vấn đề xử lý. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a,b,c khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a,b,c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy 7,16 gam hê rô in là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định của Lầu Phái D.

- + Tịch thu tiêu hủy 7,14 gam hê rô in là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định của Sùng A T và Giàng A C.

- + Tịch thu sung Quỹ Nhà nước 3.000.000đ do Lầu Phái D bán hê rô in cho Sùng A T và Giàng A C mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 2.500.000đ, truy thu số tiền 500.000đ D đã dùng để mua thức ăn.

- + Trả lại cho Giàng A C 600.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASTENN405, vỏ màu đen bạc, số model N405, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc ví da màu đen cũ đã qua sử dụng.

- + Trả lại cho Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) 10.000đ.

- Đối với 02 chiếc xe máy thu giữ của Sùng A T và Giàng A C, nguồn gốc 2 chiếc xe là do dùng tiền của gia đình để mua, chiếc xe bị cáo T mua của ông Lê Quang, trú tại khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên nhãn hiệu BOSSCITY, loại xe Win, màu sơn đen trị giá 13.000.000đ, Bị cáo Thanh đã trả 7.000.000đ còn nợ lại ông D 6.000.000đ; đến nay ông D cho bị cáo Thanh số tiền nợ nói trên. Vì vậy, 02 chiếc xe máy bị thu giữ trong vụ án là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T và vợ chồng bị cáo C.

- + Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERS, xe không có biển kiểm soát, màu sơn đen – đỏ, số khung RLHJC4325BI329426, số máy JC43E6267610, xe cũ đã qua sử dụng là xe mà Giàng A C đã sử dụng làm phương tiện đi mua hê rô in; trả lại cho chị Vàng Thị Xế, trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên là vợ bị cáo C ½ trị giá chiếc xe nói trên.

- + Tịch thu để hủy 01 BKS xe mô tô số 27Z1-083.95 do bị cáo Giàng A C gắn vào xe nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERS, màu sơn đen – đỏ, số khung RLHJC4325BI329426, số máy JC43E6267610.

- + Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, loại xe WIN, màu sơn đen, xe không có biển kiểm soát, số khung RL8WCHPPYA1011360, số máy RL8152FMHL4SA011360, xe cũ đã qua sử dụng là xe mà Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) đã sử dụng làm phương tiện đi

mua hê rô in; trả lại cho chị Lầu Thị M, trú tại bản X, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên là vợ bị cáo T ½ trị giá chiếc xe nói trên.

- Ông Lê Quang D, trú tại khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên bán cho bị cáo Sùng A T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, loại xe Win, màu sơn đen, số khung RL8WCHPPYA1011360, số máy RL8152FMHL4SA011360, trị giá 13.000.000đ, Bị cáo T đã trả 7.000.000đ còn nợ lại ông Dũng 6.000.000đ; đến nay ông D cho bị cáo T số tiền nợ nói trên, không yêu cầu gì khác do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 điều 99 BLTTHS: Buộc các bị cáo D, T, C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lầu Phái D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) và Giàng A C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 2 điều 194; điểm o, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Phái D 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 01/9/2016)

Áp dụng điểm h khoản 2 điều 194; điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) 06 (Sáu) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 01/9/2016)

Áp dụng điểm h khoản 2 điều 194; điều 53; điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A C 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 01/9/2016)

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a,b,c khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a,b,c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 7,16 gam hê rô in là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định của Lầu Phái D.

+ Tịch thu tiêu hủy 7,14 gam hê rô in là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định của Sùng A T và Giàng A C.

+ Tịch thu sung Quỹ Nhà nước 3.000.000đ do Lầu Phái D bán hê rô in cho Sùng A T và Giàng A C mà có. Cơ quan điều tra đã thu được 2.500.000đ. Truy thu đối với bị cáo Lầu Phái D số tiền 500.000đ do phạm tội mà có.

+ Trả lại cho Giàng A C 600.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASTENN405, vỏ màu đen bạc, số model N405, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc ví da màu đen cũ đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) 10.000đ.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERS, xe không có biển kiểm soát, màu sơn đen – đỏ, số khung RLHJC4325BI329426, số máy JC43E6267610, xe cũ đã qua sử dụng là xe mà Giàng A C đã sử dụng làm phương tiện đi mua hê rô in; trả lại cho chị Vàng

Thị X, trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên là vợ bị cáo C ½ trị giá chiếc xe nói trên.

+ Tịch thu để hủy 01 BKS xe mô tô 27Z1-083.95 do bị cáo Giàng A C gắn vào xe nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERS, màu sơn đen – đỏ, số khung RLHJC4325BI329426, số máy JC43E6267610.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu BOSSCITY, loại xe WIN, màu sơn đen, xe không có biển kiểm soát, số khung RL8WCHPPYA1011360, số máy RL8152FMHL4SA011360, xe cũ đã qua sử dụng là xe mà Sùng A T (tên gọi khác Sùng A C) đã sử dụng làm phương tiện đi mua hê rô in; trả lại cho chị Lầu Thị M, trú tại bản X, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên là vợ bị cáo T ½ trị giá chiếc xe nói trên.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi Cục thi hành án dân sự huyện M lập ngày 11/01/2017).

3. Án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 điều 99 BLTTHS: Buộc các bị cáo D, T, C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Phiên tòa kết thúc cùng ngày, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Bị cáo
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương